

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

Số: **87 /2021/QĐST- HNGĐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Tuyên Quang, ngày 26 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 45/2021/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021, giữa:

* *Nguyên đơn*: Chị **Phan Thị H**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Xóm 18, xã T, thành phố T, tỉnh T.

* *Bị đơn*: Anh **Lương Thế D**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn 12, xã K, thành phố T, tỉnh T.

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 - Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2021

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phan Thị H và anh Lương Thế D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Giao con chung là Lương Ngọc A, sinh ngày 30/10/2016 cho chị Phan Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục sau ly hôn. Anh Lương Thế D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Phan Thị H, mức cấp dưỡng là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/ tháng. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng, kể từ tháng 3/2021 cho đến khi con Lương Ngọc A đủ 18 tuổi.

Anh Lương Thế D có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Tr- ờng hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả t- ong ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền đ- ợc thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự.

- *Về tài sản chung:* Chị Phan Thị H và anh Lương Thế D đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về vay nợ chung:* Chị Phan Thị H và anh Lương Thế D đều xác định vợ chồng không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Phan Thị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn là 150.000đ (*Một trăm năm m- ời nghìn đồng*) nh- ng đ- ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0000911 ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả cho chị Phan Thị H số tiền chênh lệch là 150.000đ (*Một trăm năm m- ời nghìn đồng*).

Anh Lương Thế D phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 150.000đ (*Một trăm năm m- ời nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"/

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP.Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP.Tuyên Quang (để TH);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Kim Phú, TP.Tuyên Quang (để biết);
- Lưu hồ sơ VA+ TA

THẨM PHÁN

Đào Thị Thu Thủy

